

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2020/HS-ST

Ngày: 11-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Bình.

2. Ông Nguyễn Hữu Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N, sinh năm 1972 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 8, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ (Đã chết) và Hoàng Thị S (Đã chết); có chồng tên là Lê Thanh T và 01 con nhỏ sinh năm 2014; tiền án: 01 tiền án (Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2018/HS-ST ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ); tiền sự: không; nhân thân: Ngày 30/4/2018 bị Công an phường Phú Hòa, thành phố Huế xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản, hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000đ, đã nộp phạt ngày 25/7/2018. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Lê Thanh T; sinh năm: 1974, địa chỉ: Tổ 8, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trương Thị Hồng N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị hại: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 1A, xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 9, phường Pi, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Ông Lê Văn C, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 9, phường P, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Anh Lê Văn Q, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 9, phường P, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Lương M, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 13, phường P, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Quang Hồng S, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 8A, xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Ông Võ M, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 8, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1945; địa chỉ: Tổ 8, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thường đến bắt ốc tại “Bàu Họ” ở thôn 1A, xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế nên Nguyễn Thị N phát hiện máy bơm nước đặt tại hồ cá của anh Trần Quốc T không có người trông giữ. N nảy sinh ý định lấy trộm và bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 15 giờ ngày 07/8/2019, N đến tiệm phế liệu của bà Lê Thị T, N nói với bà T cần bán 01 máy bơm nước mới mua lại từ người khác. Bà T tin tưởng, hỏi đặc điểm máy bơm rồi bảo N chở máy bơm lên nhà bà T để xem rồi thỏa thuận giá cả sau, N đồng ý. Bà T gọi điện thoại thuê xe ô tô tải biển kiểm soát: 75C-040.85 của anh Nguyễn Lương M và nói chồng Lê Văn C cùng con trai Lê Văn Q đi theo N để chở máy bơm nước.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, N dẫn cả nhóm đến vị trí đặt máy bơm nước, cả 4 người cùng nhau khiêng máy bơm nước Diesel D15 loại Dongphong màu đen có giá đỡ bằng gỗ, gắn ống bơm tự chế hình ốc bằng kim loại có đường kính 14cm lên xe ô tô. Khi đi được khoảng hơn 50 mét, thì anh Trần Quốc T phát hiện chặn đầu xe tải của anh M lại bắt quả tang và cùng anh Nguyễn Quang Hồng S bắt anh M và N lại. Sau đó, anh T báo cho Công an xã Thủy Phù lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 60 ngày 14/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã Hương thủy kết luận: 01 máy bơm nước Diesel D15 loại Dongphong màu đen có giá đỡ bằng gỗ nặng 150kg, có giá trị: 1.500.000đ; 01 ống bơm tự chế hình ốc bằng kim loại có đường kính 14cm, có giá trị: 2.000.000đ.

Ngày 17/10/2019, Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Miền trung đã ban hành kết luận số: 978/KLGĐTC, kết luận về tình trạng tâm thần của bị cáo Nguyễn Thị N trước khi gây án, tại thời điểm gây án và hiện tại như sau: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS-HTh ngày 12/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn

Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị không xem xét.

- Người bào chữa cho bị cáo về cơ bản thống nhất tội danh và khung hình phạt áp dụng như đề nghị của Viện kiểm sát, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị N: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội nuôi con nhỏ và chồng đang bị bệnh vì bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Ý kiến của bị hại: Bị hại đã nhận lại tài sản, đã nhận tiền bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào khoảng 16 giờ ngày 07/8/2019, tại khu vực “Bàu Hợ” thuộc thôn 1A, xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo Nguyễn Thị N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 động cơ bơm nước Diesel D15 nặng 150 kg, loại Dongphong màu đen có giá đỡ bằng gỗ gắn ống bơm tự chế bằng kim loại hình ốc đường kính 14cm của anh Trần Quốc Thắng. Giá trị tài sản chiếm đoạt theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản là: 3.500.000 đồng. Như vậy, đã đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố bị cáo N là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà còn phạm tội lại nên đã phạm vào một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường về dân sự cho bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người có bệnh

bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại các điểm b, h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét các căn cứ quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Bị cáo N đã từng bị kết án và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không cải tạo tốt mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội nên Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn, chồng bị cáo thường xuyên bị bệnh không lao động được, con bị cáo còn nhỏ, bản thân bị cáo cũng bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự cho bị hại số tiền 600.000 đồng. Bị hại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, không có yêu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7] Xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra Công an thị xã Hương Thủy đã xử lý vật chứng trả lại 01 động cơ bơm nước Diesel D15 nặng 150 kg, loại Dongphong màu đen có giá đỡ bằng gỗ gắn ống bơm tự chế bằng kim loại hình ốc đường kính 14cm; 01 xe ô tô tải hiệu DONGBEN màu trắng, biển kiểm soát: 75C-040.85; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 75C-040.85; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang tên Nguyễn Lương Mão cho các chủ sở hữu. Không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người bào chữa, đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan điều tra TX. Hương Thủy;
- CQ THAHS TX. Hương Thủy;
- CC THADS TX. Hương Thủy;
- Những người TGTT
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Xuân Huế

